

**DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP HỌC PHÍ BỔ SUNG MÔN HỌC LẦN ĐẦU, HỌC LẠI, CẢI THIỆN ĐIỂM, TỰ CHỌN TỰ DO
TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 820 /QĐ-ĐHCN, ngày 22 tháng 4 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngành	Mã LMH	Tên học phí/Môn học	Hình thức học	Số TC/Tháng	Đơn giá (đ)	Số tiền (đ)
1	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	ELT2041 4	Điện tử số	ĐK lần đầu	3	508.000	1.524.000
2	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	INT2211 27	Cơ sở dữ liệu	Học lại	4	508.000	2.032.000
3	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	INT2208 13	Công nghệ phần mềm	Học lại	3	508.000	1.524.000
4	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	INT2213 11	Mạng máy tính	Học lại	4	508.000	2.032.000
5	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	INT2214 1	Nguyên lý hệ điều hành	Học lại	4	508.000	2.032.000
6	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	ELT2035 9	Tín hiệu và hệ thống	Học lại	3	508.000	1.524.000
7	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	POL1001 21	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học lại	2	508.000	1.016.000
8	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	CNTT	MAT1101 70	Xác suất thống kê	Học lại	3	508.000	1.524.000
9	20020430	Hoàng Ngọc Lan	CNTT	INT4002 70	Thực tập doanh nghiệp	Học TCTD	3	508.000	1.524.000
10	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	CNTT	INT3509 3	Dự án	Học lại	4	508.000	2.032.000
11	20020530	Đình Duy Hùng	CNNN	AGT4000	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
12	20021054	Nguyễn Trọng Thái	CNKTXD	PES1020 6	Bóng rổ 1	ĐK lần đầu	1	508.000	508.000
13	20021054	Nguyễn Trọng Thái	CNKTXD	CTE3020 2	Động lực học công trình	Học lại	3	508.000	1.524.000
14	20021054	Nguyễn Trọng Thái	CNKTXD	CTE3046 1	Kết cấu thép	Học lại	3	508.000	1.524.000
15	20021063	Lê Văn Thường	CNKTXD	CTE 4050	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
16	21020430	Hà Hữu Dũng	KTRB	RBE4001	Đồ án tốt nghiệp	ĐK lần đầu	10	508.000	5.080.000
17	21020443	Trần Đức Hưng	KTMT	ELT4068	Đồ án tốt nghiệp	ĐK lần đầu	10	508.000	5.080.000
18	21020567	Đào Sơn Tùng	KTRB	RBE4001	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
19	21020778	Dương Bình Minh	CNTT	MAT1041 70	Giải tích 1	Học lại	4	508.000	2.032.000
20	21020778	Dương Bình Minh	CNTT	INT4002 70	Thực tập doanh nghiệp	Học TCTD	3	508.000	1.524.000
21	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	PES1020 6	Bóng rổ 1	ĐK lần đầu	1	508.000	508.000
22	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	INE1051 23	Kinh tế vĩ mô	ĐK lần đầu	3	508.000	1.524.000
23	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	INE1050 71	Kinh tế vi mô	ĐK lần đầu	3	508.000	1.524.000
24	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	UET1002 6	Kỹ năng khởi nghiệp	Học lại	2	508.000	1.016.000
25	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	EPN1096 71	Vật lý đại cương 2	Học lại	2	508.000	1.016.000
26	21020816	Bùi Trần Duy Đông	CNNN	MAT1101 70	Xác suất thống kê	Học lại	3	508.000	1.524.000
27	21020921	Hoàng Trung Kiên	KTMT	ELT4068	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
28	21021101	Nguyễn Tùng Lâm	CKT	EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
29	21021106	Vũ Đức Mạnh	CKT	EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngành	Mã LMH	Tên học phí/Môn học	Hình thức học	Số TC/Tháng	Đơn giá (đ)	Số tiền (đ)
30	21021129	Nguyễn Văn Tiến	CKT	EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	Học lại	10	508.000	5.080.000
31	21021177	Nguyễn Huy Hiền	CNKTXD	CTE3055 1	Đồ án 1: Kết cấu công trình	Học lại	2	508.000	1.016.000
32	21021177	Nguyễn Huy Hiền	CNKTXD	CTE3020 1	Động lực học công trình	Học lại	3	508.000	1.524.000
33	21021177	Nguyễn Huy Hiền	CNKTXD	CTE3052 2	Kết cấu bê tông cốt thép	Học lại	3	508.000	1.524.000
34	21021177	Nguyễn Huy Hiền	CNKTXD	CTE3001 2	Nền và móng	Học lại	3	508.000	1.524.000
35	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	ELT3241 1	Các vấn đề hiện đại của Kỹ thuật máy tính	ĐK lần đầu	2	508.000	1.016.000
36	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	MAT1093 70	Đại số	Học lại	4	508.000	2.032.000
37	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	ELT2041 2	Điện tử số	Học lại	3	508.000	1.524.000
38	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	ELT2040 5	Điện tử tương tự	Học lại	3	508.000	1.524.000
39	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	UET1002 10	Kỹ năng khởi nghiệp	Học lại	2	508.000	1.016.000
40	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	INT2214 1	Nguyên lý hệ điều hành	Học lại	4	508.000	2.032.000
41	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	ELT2035 12	Tín hiệu và hệ thống	Học lại	3	508.000	1.524.000
42	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	POL1001 31	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học lại	2	508.000	1.016.000
43	21021664	Lục Thành Lương	KTMT	MAT1101 70	Xác suất thống kê	Học lại	3	508.000	1.524.000
44	22020124	Đinh Thị Thùy Trang	CNNN	AGT4000	Đồ án tốt nghiệp	ĐK lần đầu	10	545.000	5.450.000
45	22020138	Vũ Danh Thái	CNNN	MAT1093 21	Đại số	Học lại	4	816.000	3.264.000
46	22020138	Vũ Danh Thái	CNNN	UET.MAT105 0 24	Giải tích 1	Học TCTD	5	816.000	4.080.000
47	22021522	Nguyễn Tiến Thành	KTĐK&TĐH	EMA3135 2	SCADA	ĐK lần đầu	3	816.000	2.448.000
48	22021522	Nguyễn Tiến Thành	KTĐK&TĐH	EMA 3071 2	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển	ĐK lần đầu	3	816.000	2.448.000
49	22022559	Bùi Duy Quảng	TTNT	AIT4050	Khóa luận tốt nghiệp	ĐK lần đầu	7	816.000	5712000
50	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	PES1020 4	Bóng rổ 1	ĐK lần đầu	1	677.000	677.000
51	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3027 1	Cấp thoát nước	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
52	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE2013 1	Cơ sở Quy hoạch	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
53	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3063 1	Đồ án 5A: Thiết kế nhà cao tầng	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
54	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE2012 1	Kinh tế xây dựng	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
55	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3067 1	Kỹ thuật điện	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
56	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3057 2	Phương pháp phần tử hữu hạn trong kỹ thuật xây dựng	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
57	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE4014 1	Thực tập BIM trong Xây dựng – Giao thông	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
58	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3066 1	Tổ chức thi công	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
59	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE3055 1	Đồ án 1: Kết cấu công trình	Học lại	2	816.000	1.632.000
60	22025156	Trần Duy Thuận	CNKTXD	CTE2011 1	Vật liệu xây dựng	Học lại	3	816.000	2.448.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngành	Mã LMH	Tên học phí/Môn học	Hình thức học	Số TC/Tháng	Đơn giá (đ)	Số tiền (đ)
61	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	PES1020 5	Bóng rổ 1	ĐK lần đầu	1	677.000	677.000
62	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE3072 1	Đồ án 5B: Thiết kế công trình cầu đường	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
63	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE3077 1	Thi công cầu	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
64	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE3076 1	Thi công đường	ĐK lần đầu	3	677.000	2.031.000
65	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE3068 1	Tin học ứng dụng trong Giao thông	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
66	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE3056 2	BIM trong Xây dựng - Giao thông	Học lại	2	816.000	1.632.000
67	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	MAT1093 21	Đại số	Học lại	4	816.000	3.264.000
68	22025189	Vương Trung Kiên	CNKTXD	CTE2025 1	Sức bền vật liệu	Học lại	3	816.000	2.448.000
69	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE2013 1	Cơ sở Quy hoạch	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
70	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3063 1	Đồ án 5A: Thiết kế nhà cao tầng	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
71	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3052 1	Kết cấu bê tông cốt thép	ĐK lần đầu	3	677.000	2.031.000
72	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3067 1	Kỹ thuật điện	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
73	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3057 1	Phương pháp phần tử hữu hạn trong kỹ thuật xây dựng	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
74	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3065 1	Thiết kế các công trình đặc biệt	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
75	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE4014 1	Thực tập BIM trong Xây dựng – Giao thông	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
76	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3066 1	Tổ chức thi công	ĐK lần đầu	2	677.000	1.354.000
77	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE2024 1	Cơ học vật rắn biến dạng trong kỹ thuật	Học lại	3	816.000	2.448.000
78	22025208	Hoàng Văn Ngọc	CNKTXD	CTE3055 2	Đồ án 1: Kết cấu công trình	Học lại	2	816.000	1.632.000
79	22026509	Nguyễn Hữu Thái	CNTTNB	INT3404 1	Xử lý ảnh	ĐK lần đầu	3	816.000	2.448.000
80	22026538	Nông Xuân Bảo	CNTTNB	PHI1002 10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học CTĐ	2	816.000	1.632.000
81	22026538	Nông Xuân Bảo	CNTTNB	MAT1093 70	Đại số	Học CTĐ	4	816.000	3.264.000
82	22027501	Nguyễn Mạnh Cường	KTRB	RBE4001	Đồ án tốt nghiệp	ĐK lần đầu	10	816.000	8.160.000
83	23020494	Nguyễn Huy Tuấn	KTNL		HP niên chế	HP niên chế	5	3.400.000	17.000.000
84	23021081	Khương Minh Chiến	CNKTXD		HP niên chế	HP niên chế	5	3.400.000	17.000.000
85	23021596	Phạm Công Khanh	KHMT	INT3425 5	Khoa học dữ liệu	Học lại	3	1.079.000	3.237.000
86	23021596	Phạm Công Khanh	KHMT		HP niên chế	HP niên chế	5	4.000.000	20.000.000
87	24020914	Ngô Đức Anh	CNKTXD	EPN1096 70	Vật lý đại cương 2	Học lại	2	1.079.000	2.158.000
88	24020914	Ngô Đức Anh	CNKTXD		HP niên chế	HP niên chế	5	4.000.000	20.000.000
89	24020970	Lê Nhật Hoàng	CNKTXD		HP niên chế	HP niên chế	5	4.000.000	20.000.000
90	24021035	Vương Mạnh Tiến	CNKTXD		HP niên chế	HP niên chế	5	4.000.000	20.000.000
91	20021334	Đào Văn Đức	MMT&TTDL	INT4002 70	Thực tập doanh nghiệp	Học lại	3	800.000	2.400.000
92	20021519	Nguyễn Minh Đức	CNKTTĐTVT	ELT3144 6	Xử lý tín hiệu số	Học TCTD	4	800.000	3.200.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngành	Mã LMH	Tên học phí/Môn học	Hình thức học	Số TC/Tháng	Đơn giá (đ)	Số tiền (đ)
93	20021519	Nguyễn Minh Đức	CNKT ĐTVT	ELT4053	Khóa luận tốt nghiệp	Học lại	10	800.000	8.000.000
94	20021580	Nguyễn Minh Tâm	CNKT ĐTVT	ELT 3051 2	Kỹ thuật điều khiển	Học lại	3	800.000	2.400.000
95	20021580	Nguyễn Minh Tâm	CNKT ĐTVT	MAT1101 71	Xác suất thống kê	Học lại	3	800.000	2.400.000
96	20021580	Nguyễn Minh Tâm	CNKT ĐTVT	ELT4053	Khóa luận tốt nghiệp	Học lại	10	800.000	8.000.000
97	21020671	Trần Lê Thành Trung	KHMT	INT4002 70	Thực tập doanh nghiệp	Học lại	3	800.000	2.400.000
98	21021626	Nguyễn Minh Phúc	CNKT ĐTVT	ELT 3051 1	Kỹ thuật điều khiển	Học lại	3	800.000	2.400.000
99	21021626	Nguyễn Minh Phúc	CNKT ĐTVT	ELT3047 2	Kiến trúc máy tính	Học TCTD	3	800.000	2.400.000
100	21021626	Nguyễn Minh Phúc	CNKT ĐTVT	ELT3212 3	Mạng truyền thông máy tính 1	Học TCTD	3	800.000	2.400.000
101	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT	PHI1002 10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học lại	2	800.000	1.600.000
102	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT	INT2211 18	Cơ sở dữ liệu	Học lại	4	800.000	3.200.000
103	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT	INT3425 1	Khoa học dữ liệu	Học lại	3	800.000	2.400.000
104	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT	HIS1001 28	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học lại	2	800.000	1.600.000
105	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT	INT2214 6	Nguyên lý hệ điều hành	Học lại	4	800.000	3.200.000
106	22028018	Nguyễn Việt Hùng	KHMT		HP niên chế	HP niên chế	5	3.500.000	17.500.000